



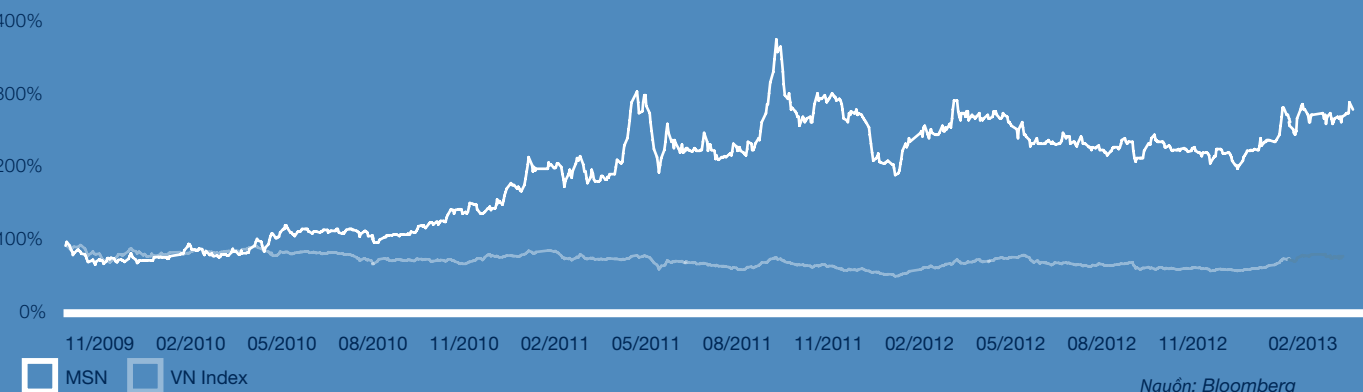
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

20
12

MASAN GROUP

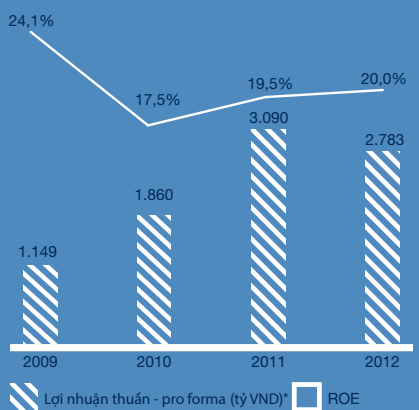
Masan Group là một trong những công ty lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam, tập trung hoạt động trong ngành hàng tiêu dùng và tài nguyên của Việt Nam. Chúng tôi có nhiều thành tích trong hoạt động xây dựng, mua lại và quản lý các nền tảng hoạt động kinh doanh có quy mô lớn nhằm phát triển và khai thác các tiềm năng dài hạn trong lĩnh vực hàng tiêu dùng và tài nguyên. Chúng tôi tin rằng có thể tạo ra phần lớn giá trị cho cổ đông thông qua đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, các đối tác toàn cầu và sự cam kết phục vụ tầng lớp trung lưu ngày càng lớn mạnh ở Việt Nam.

GIÁ CỔ PHIẾU TỪ KHI NIÊM YẾT



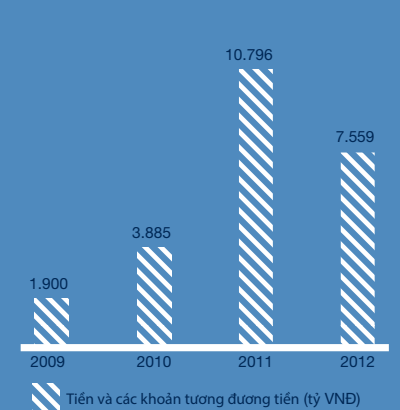
Nguồn: Bloomberg

LỢI NHUẬN PRO FORMA VÀ TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU ROE



(*) Số liệu tính toán loại trừ lợi thế thương mại và áp dụng tỷ lệ lợi ích kinh tế hiện nay ở Techcombank kể từ năm 2009.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TIỀN TỪ 2009



Lưu ý: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm cả các khoản đầu tư ngắn hạn, chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng. Số liệu năm 2012 chưa bao gồm khoản tiền mặt huy động từ KKR vào đầu năm 2013.

MỤC LỤC

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Masan Group	4
Công ty con của chúng tôi	18
Masan Consumer	25
Masan Resources	26
Công ty liên kết của chúng tôi	36
Báo cáo của Ban Điều hành	55
Báo cáo tài chính	61
Thông tin doanh nghiệp	75
	163

KHAI PHÁ GIÁ TRỊ BẰNG CÁCH PHỤC VỤ NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM

THƯ' NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Người tiêu dùng Việt Nam được ưu tiên

#1

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG,

Trong những năm qua, Masan Group đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ từ một công ty sản xuất thực phẩm trở thành một trong những tập đoàn lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam. Thành công của Tập đoàn khởi nguồn từ cam kết “hằng ngày, chúng ta nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người Việt Nam”, cũng như thực hiện chiến lược xây dựng các doanh nghiệp có quy mô hoạt động lớn và nắm giữ những vị thế dẫn đầu thị trường, tạo ra năng lực cạnh tranh vượt trội để giành thắng lợi trên thương trường ngày càng toàn cầu hóa. Chúng tôi không ngừng phấn đấu để trở thành niềm tự hào của Việt Nam, chứng minh cho cả thế giới thấy rằng một công ty Việt Nam vẫn có thể thành công lớn khi “put the Vietnamese consumers first”, tập trung vào một số ít mục tiêu có chọn lọc, và triển khai hoạt động với sự chuyên nghiệp cao nhất.

Trong năm 2012, Masan Group đã tiếp tục triển khai phương pháp xây dựng kinh doanh mang tính kỷ luật cao, tăng cường tập trung vào các nhánh trong ngành hàng tiêu dùng và đẩy mạnh quá trình phát triển dự án Núi Pháo - dự án khai thác khoáng sản lớn nhất trong ngành kinh tế tư nhân tại Việt Nam. Nhờ vậy, chúng tôi đã đạt được doanh thu và lợi nhuận kỷ lục ở Công ty Masan Consumer và duy trì tiến độ xây dựng để đưa dự án Núi Pháo đi vào hoạt động trước thời hạn.

Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh của Tập đoàn cũng được các thị trường tài chính công nhận. Từ khi niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh vào năm 2009, giá cổ phiếu của Masan Group đã tăng thêm 136,1% trong khi chỉ số chứng khoán chung lại giảm đi 25,5% trong cùng thời kỳ này. Hiện nay, giá trị vốn hóa thị trường của Tập đoàn khoảng 79.351 tỷ đồng, tương đương với 3,8 tỷ đô la Mỹ, đưa Masan Group trở thành công ty có giá trị vốn hóa trị trường lớn nhất trong khối kinh tế tư nhân tại Việt Nam¹.

Cũng như những năm trước, năm 2012 tiếp tục là một năm đầy khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam. Nhìn chung, tuy đất nước đạt được những thành quả nhất định trong việc khống chế tỷ lệ lạm phát và duy trì được giá trị của tiền đồng nhưng nền kinh tế vẫn gặp phải giai đoạn tăng trưởng GDP chậm, thị trường bất động sản ảm đạm, và ngành ngân hàng suy yếu trầm trọng do tỷ lệ nợ xấu tăng cao. Những thách thức này đã tạo ra một môi trường kinh doanh hết sức cam go cho các công ty ở Việt Nam khi khả năng tiếp cận nguồn vốn bị giới hạn, mức tăng trưởng chậm hơn và thậm chí phải đối mặt với sự thua lỗ. Thế nhưng, từ trong những thách thức này, Masan Group lại có thể mang đến một năm đầy thành công cho các cổ đông của mình.

Tôi rất tự hào khi điểm qua một số sự kiện quan trọng của Masan Group trong năm 2012 vừa qua:

- Chúng tôi đang tiếp tục mở rộng nền tảng kinh doanh hàng tiêu dùng bằng cách đa dạng hóa danh mục sản phẩm tiêu dùng và xâm nhập vào những ngành hàng tiêu dùng mới:

- Tại Vinacafe, Masan Consumer đã triển khai thành công hợp nhất các nền tảng vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế và đã hiện thực hóa được các tiềm năng hợp lực; Vinacafe đạt được những kết quả tài chính kỷ lục trong năm 2012: doanh thu tăng thêm 33,4% và lợi nhuận thuần tăng thêm 41,3%.
- Chúng tôi đã đa dạng hóa hoạt động của mình theo phương thức “làm ít, làm có chọn lọc” hướng tới những ngành hàng tiêu dùng hấp dẫn khác với hoạt động mua lại 40,0% cổ phần của Công ty Thức ăn Gia súc Việt Pháp - nhà sản xuất thức ăn gia súc lớn thứ hai tại Việt Nam. Thương vụ này sẽ giúp Tập đoàn xâm nhập vào ngành hàng thực phẩm protein ngày càng lớn tại Việt Nam.
- Tháng 2 năm 2013, Masan Consumer đã mua lại 24,9% cổ phần trong Công ty Nước khoáng Vĩnh Hảo, một trong những thương hiệu được tin cậy và công nhận rộng rãi nhất tại Việt Nam trong ngành hàng đồ uống

1. Khối kinh tế tư nhân được định nghĩa là các công ty không có sở hữu của nhà nước và vốn hóa thị trường được tính toán trên cơ sở số lượng cổ phiếu được pha loãng hoàn toàn và áp dụng giá cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2012.

đóng chai. Từ cơ sở giao dịch này, Masan Consumer đã tiếp tục triển khai một đợt chào mua công khai bằng tiền mặt với những điều khoản thương mại tương tự để gia tăng cổ phần của mình.

- Masan Resources đã hoàn thành tiến độ đáng kể trong quá trình phát triển dự án Núi Pháo:
 - Masan Resources đã chi khoảng 220 triệu đô la Mỹ trong năm qua để hoàn thành phần lớn công tác xây dựng.
 - Nhà máy chế biến dự kiến đi vào hoạt động vào đầu quý 2 năm 2013 với kỳ vọng đưa Công ty thành nhà sản xuất vonfram lớn nhất bên ngoài Trung Quốc.
 - Công ty Núi Pháo đã nhận được giải thưởng “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng” năm 2013 từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhờ quá trình hỗ trợ cộng đồng địa phương tỉnh Thái Nguyên và tuân thủ các tiêu chuẩn hoạt động quốc tế trong các khía cạnh bảo vệ môi trường, an toàn và xã hội.
- Chúng tôi đã tăng cường đội ngũ quản lý ở cấp Tập đoàn và các công ty con với những gương mặt mới đến từ các tập đoàn đa quốc gia nổi tiếng và có nhiều kinh nghiệm hoạt động ở các thị trường mới nổi:
 - Ở Masan Consumer, chúng tôi đã tuyển Giám đốc Điều hành cao cấp và Giám đốc Marketing cao cấp.
 - Ở Masan Group, chúng tôi củng cố các nền tảng pháp lý, quản trị rủi ro và quan hệ truyền thông bằng việc tuyển dụng những chuyên gia dày dặn kinh nghiệm.
- Một số nhà đầu tư uy tín nhất thế giới đã tiếp tục xác thực cho phương pháp xây dựng các doanh nghiệp dẫn đầu thị trường của chúng tôi thông qua hoạt động cấp vốn đầu tư:
 - KKR, công ty đầu tư vốn cổ phần tư nhân hàng đầu thế giới, đã đầu tư thêm 200 triệu đô la Mỹ vào Masan Consumer sau khoản đầu tư 159 triệu đô la Mỹ hồi tháng 4 năm 2011. Khoản đầu tư có tổng giá trị 359 triệu đô la Mỹ là giao dịch đầu tư vốn cổ phần tư nhân lớn nhất mọi thời đại ở Việt Nam. Việc KKR mở rộng quan hệ đối tác với Masan minh chứng cho sự tin tưởng tuyệt đối của họ vào tiềm năng tăng trưởng tiêu dùng dài hạn của Việt

Nam và xác thực rằng Masan là đối tác đáng tin cậy để tiếp cận tiềm năng tiêu dùng của thị trường Việt Nam.

- Masan Resources đã đạt được một khoản vay 80 triệu đô la Mỹ từ Ngân hàng Standard Chartered để phát triển dự án Núi Pháo. Đây là khoản vốn vay quốc tế đầu tiên dành cho một dự án khai thác khoáng sản của khối kinh tế tư nhân tại Việt Nam. Khoản vay này đồng thời cũng là sự chứng nhận cho tiến độ triển khai của dự án Núi Pháo và khả năng tài chính của dự án.
- Chúng tôi đã phát hành các công cụ tài chính chuyển đổi trị giá khoảng 130 triệu đô la Mỹ cho các nhà đầu tư hiện hữu là the Richard Chandler Corporation và Mount Kellett. Những giao dịch này chứng minh cho sự tin tưởng không ngừng của họ vào Masan Group.

Về tình hình tài chính, các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Masan Group đều đạt được kết quả kỷ lục, trong khi lợi nhuận hợp nhất có suy giảm do mức đóng góp từ Techcombank thấp hơn. Nhờ gia tăng thị phần trong những ngành hàng chủ chốt và hoạt động hợp nhất thành công với Vinacafe, doanh thu thuần tăng từ 7.057 tỷ đồng năm 2011 lên 10.389 tỷ đồng năm 2012, tương ứng với mức tăng 47,2%. Nếu loại bỏ khấu hao lợi thế thương mại trong các công ty con và công ty liên kết, lợi nhuận thuần pro forma giảm nhẹ từ 3.090 tỷ đồng trong năm 2011 xuống 2.783 tỷ đồng trong năm 2012, tương ứng với tỉ lệ giảm 9,9%. Sự sụt giảm trong lợi nhuận thuần pro forma chủ yếu là do Techcombank, khi lợi nhuận của ngân hàng này tụt giảm đến 75,7%, tương ứng từ 3.154 tỷ đồng năm 2011 xuống 766 tỷ đồng năm 2012 do lãi suất cho vay thấp hơn, môi trường cho vay đầy khó khăn của ngành ngân hàng cả nước và tăng dự phòng cho vay ở mức thận trọng. Mặc dù kết quả kinh doanh từ Techcombank thấp hơn kỳ vọng, nhưng sự suy giảm nhẹ trong tổng lợi nhuận thuần pro forma của Tập đoàn vẫn là một minh chứng rõ ràng cho sức mạnh vững chắc của hoạt động kinh doanh cốt lõi của Masan Group. Lợi nhuận thuần của Masan Consumer tăng 26,4% đạt 2.850 tỷ đồng trong năm 2012.

Về cơ cấu tài sản, vào cuối năm 2012 Tập đoàn nắm giữ khoảng 7.559 tỷ đồng tiền mặt và tương đương tiền mặt¹. Con số này chưa bao gồm vốn cổ phần huy động từ KKR diễn ra vào tháng 1 năm 2013. Vị thế tiền mặt này củng cố thêm cho cơ cấu tài

sản của Tập đoàn trong một môi trường vĩ mô đầy bất ổn và trở thành nguồn lực đắc dụng để Masan Group phát triển sâu nền tảng kinh doanh hàng tiêu dùng bằng cả nội lực lẫn thông qua hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp. Tuy trước đây khả năng huy động vốn của Tập đoàn đã được xem là một thế mạnh hết sức nổi bật, thế nhưng năm 2012 là một năm đặc biệt hơn khi mà nhiều nhà đầu tư hiện hữu đã tăng gấp đôi giá trị đầu tư của mình vào Masan; đây là một trong những hình thức xác thực niềm tin mạnh mẽ nhất.

Về tình hình hoạt động kinh doanh, năm 2012 đánh dấu một năm phát triển mạnh mẽ của cả Tập đoàn khi chúng tôi tiếp tục củng cố và đầu tư vào các nền tảng hoạt động kinh doanh. Chúng tôi đã hợp nhất thành công các hoạt động kinh doanh của Masan Consumer và Vinacafe, mang lại doanh thu và lợi nhuận kỷ lục cho ngành hàng cà phê. Các doanh nghiệp của chúng tôi cũng tiếp tục mở rộng phạm vi phân phối để phục vụ khách hàng tốt hơn. Masan Consumer tiếp tục gia tăng hệ thống phân phối vốn thuộc vào hàng dẫn đầu thị trường từ khoảng 164.000 điểm bán hàng năm 2011 lên 176.000 điểm bán hàng trong năm 2012. Công ty đã đầu tư nâng cao năng lực sản xuất và tung ra thị trường những nhãn hàng mới như Chin-su Nam Ngự, Wake Up và Kachi nhằm thúc đẩy sức tăng trưởng nội tại của mình. Bên cạnh đó, tại dự án Núi Pháo, chúng tôi cũng đã triển khai công tác xây dựng và khai thác cho nhà máy chế biến khoáng sản; ngoài ra, số lượng nhân công tại công trường đã tăng lên khoảng 3.300 người. Với mục tiêu tăng cường sự hiện diện của Tập đoàn ra khu vực Đông Nam Á, chúng tôi cũng đã mở một văn phòng đại diện ở Singapore. Điều quan trọng nhất là chúng tôi đã đầu tư vào nguồn nhân lực tài năng trên toàn bộ hệ thống, đặc biệt ở Masan Group, Masan Consumer và Techcombank với việc tuyển dụng thêm những nhà quản lý cấp cao dày dặn kinh nghiệm để góp phần đưa cả Tập đoàn lên một tầm cao mới.

Trên con đường rộng mở phía trước, chúng tôi có nhiều lý do để lạc quan hơn trong năm 2013 với dự án mô đang đi vào hoạt động cùng với sự xâm nhập mạnh mẽ hơn vào ngành đồ uống cũng như những thương vụ đầu tư khác trong các ngành hàng tiêu dùng. Thêm vào đó, Techcombank cũng đã có những nỗ lực hết mình để giảm tỷ lệ cho vay liên ngân hàng, giảm quy mô cho vay và áp dụng những chính sách cho vay thận trọng hơn.

Những nỗ lực này thể hiện rõ quyết tâm mạnh mẽ nhằm tái cấu trúc tài chính và chuẩn bị tốt hơn cho sự tăng trưởng bền vững trong những năm sắp tới. Với những lý do đầy thuyết phục này, Masan Group hoàn toàn tự tin kỳ vọng vào mức tăng trưởng lợi nhuận từ 30% đến 70% trong năm 2013, đưa Tập đoàn đến gần hơn với mục tiêu đạt 1 tỷ đô la Mỹ lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA) hợp nhất trong vòng 2 đến 3 năm tới.

Cuối thư, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến toàn thể khách hàng, nhân viên, đối tác và các bên liên quan khác, những người đã hết mình hỗ trợ Masan Group trong những năm qua. Tôi rất tự hào khi Masan tiếp tục tăng trưởng mạnh và mang lại lợi nhuận đáng kể cho các cổ đông trong năm 2012 cùng với những triển vọng đầy sáng sủa trong năm 2013. Đặc biệt, tôi còn lấy làm tự hào hơn nữa khi chúng tôi đã chứng minh cho cả thế giới thấy rằng một công ty địa phương vẫn có thể thành công trong một môi trường đầy thách thức với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp có tư duy doanh nhân và luôn kiên định tập trung vào sứ mệnh phục vụ người tiêu dùng Việt Nam.

Chân thành cảm ơn,



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 8 tháng 4 năm 2013

1. Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm khoản đầu tư ngắn hạn.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CHỌN LỌC NĂM 2012

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	Kiểm toán	Pro forma ¹
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	10.389	10.389
Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu thuần	47,2%	47,2%
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	1.963	2.783
Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận thuần	-21,4%	-9,9%

Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2012	Kiểm toán
Tiền và các khoản tương đương tiền (tỷ đồng) ²	7.559
Tổng nợ (tỷ đồng) ³	11.585
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	13.884
Tổng tài sản (tỷ đồng)	38.699

1. Pro forma, dù không phải là số liệu đã được kiểm toán, nhưng là kết quả dựa trên những số liệu đã được kiểm toán và được điều chỉnh để phản ánh mức lợi nhuận trong điều kiện bình thường. Những điều chỉnh sau đây được thực hiện: (a) hoàn nhập khoản phân bổ lợi thế thương mại từ việc chuyển nhượng tỷ lệ sở hữu trong ngân hàng Techcombank trong hai năm tài chính 2011 và 2012, giả định Masan Group nắm giữ 30,4% lợi ích kinh tế của Techcombank kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011; (b) hoàn nhập khoản phân bổ lợi thế thương mại, tài sản hữu hình và tài sản vô hình từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa trong năm tài chính 2011 và 2012; (c) hoàn nhập khoản phân bổ lợi thế thương mại từ thương vụ mua lại Công ty Thức ăn Gia súc Việt Pháp trong năm tài chính 2012.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm cả các khoản đầu tư ngắn hạn, chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng. Lượng tiền này không bao gồm khoản tiền đầu tư của KKR vào đầu năm 2013.

3. Tổng nợ bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, không bao gồm các hối phiếu nhận nợ. Các hối phiếu nhận nợ trị giá 2.856 tỷ đồng sẽ không còn giá trị nếu thực hiện quyền chọn mua cổ phần phổ thông Masan Group để thanh toán những hối phiếu nhận nợ này thay vì trả bằng tiền mặt. Quyền chọn này là một phần trong giao dịch mua bán dự án Núi Pháo. Vào ngày 31/12/2012, quyền chọn này có giá trị dương. Masan Group có quyền bắt buộc việc chuyển đổi quyền chọn này vào ngày 31/12/2012.

NHỮNG CÔNG TY CON CỦA
CHÚNG TÔI CÓ
NỀN TẢNG KINH DOANH
HÀNG ĐẦU
VIỆT NAM TRONG NGÀNH HÀNG
TIÊU DÙNG VÀ TÀI NGUYÊN

CHI TIÊU TIÊU DÙNG
CỦA HỘ GIA ĐÌNH
CHIẾM HƠN

63%

GDP CỦA VIỆT NAM

Nguồn: Ngân hàng Thế giới.





Chúng tôi đã triển khai chưa đến 20% nguồn vốn huy động được để mua lại các doanh nghiệp mới – cụ thể là Vinacafe Biên Hòa, Proconco và Nước khoáng Vĩnh Hảo. Chúng tôi tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh và những nhãn hiệu mang tính biểu tượng của các công ty này sẽ tạo ra những “con đường” rộng mở, giúp công ty thâm nhập sâu hơn vào các ngành hàng tiêu dùng.

Đội ngũ quản lý đẳng cấp thế giới và đối tác danh tiếng
Đội ngũ quản lý của chúng tôi ở tất cả các cấp tổ chức đều chuyên nghiệp. Chúng tôi khuyến khích họ đóng góp bằng cách trao cho họ cơ hội trở thành cổ đông và đại nghị xứng đáng những người làm việc hiệu quả. Về xây dựng quan hệ đối tác, chúng tôi hợp tác có chọn lọc với các công ty danh tiếng toàn cầu có khả năng thẩm định và xác thực chiến lược kinh doanh, có thông tin về các cơ hội kinh doanh và có lợi thế tiếp cận nguồn vốn dài hạn.

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM

Chiến lược của Masan Group được xây dựng dựa trên nhận định của chúng tôi về các cơ hội ở Việt Nam, một quốc gia có nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực Đông Nam Á. Từ năm 2005 đến 2012, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thực đã tăng trưởng với tốc độ kép hàng năm là 7,8%. Tuy sự tăng trưởng của Việt Nam trong thời gian vừa qua là nhờ vào chi phí lao động thấp và năng suất gia tăng nhờ công cuộc “Đổi mới”, nhưng chúng tôi tin rằng giá trị đích thực của Việt Nam nằm ở tiềm năng tiêu dùng trong nước và tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác.

Tiềm năng tiêu dùng trong nước

Đặc điểm nhân khẩu học và mức thu nhập ngày càng tăng ở Việt Nam thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh không ngừng của sức tiêu dùng trong nước. Đất nước vừa bước vào kỷ nguyên “Lợi tức Dân số - demographic dividend” dự kiến kéo dài 30 năm với đặc điểm gần 70% của dân số 90 triệu người nằm trong độ tuổi lao động và 56% dân số có độ tuổi dưới 30. Trong 10 năm tới, số người trong độ tuổi lao động dự kiến sẽ tăng thêm ít nhất 1 triệu người mỗi năm.

Lực lượng lao động ngày càng tăng sẽ thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng. Việt Nam có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong ngành hàng tiêu dùng ở châu Á trong năm 2012 với tỷ lệ 23% so với Ấn Độ (18%) và Trung Quốc (13%). Nhu cầu tiêu dùng trong nước sẽ tiếp tục nhận được sự tác động hỗn hợp tích cực của các yếu tố nhân khẩu học thuận lợi, quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, sự gia tăng thu nhập khả dụng và mức độ tăng trưởng tiêu dùng.

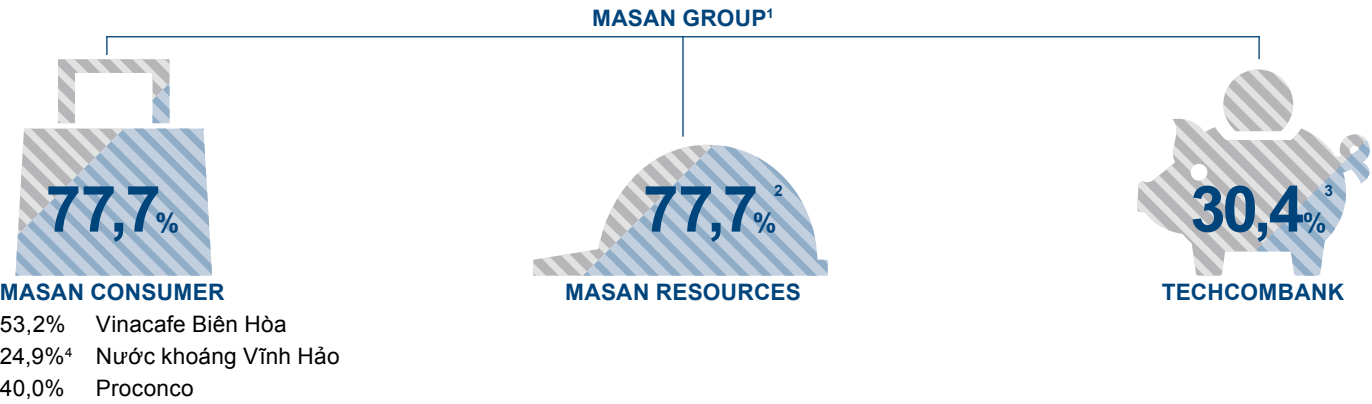
Tiềm năng tài nguyên chưa được khai thác

Tài nguyên khoáng sản, nông nghiệp và năng lượng góp chung tạo nên một tỷ lệ đáng kể trong GDP của Việt Nam với kỳ vọng tăng trưởng cao hơn trong cả ba lĩnh vực này. Tiềm năng tài nguyên khoáng sản của Việt Nam phần lớn vẫn chưa được khai thác vì nhiều khu vực còn chưa được thăm dò. Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, vốn chiếm khoảng 24% GDP năm 2012 của Việt Nam, sẽ hưởng lợi từ sự gia tăng của sức tiêu thụ nội địa, các thị trường xuất khẩu mới cũng như sự hỗ trợ từ chính phủ và các nhóm xúc tiến thương mại. Cuối cùng, theo ước tính, Việt Nam đứng ở vị trí thứ ba trong khu vực Đông Nam Á về tài nguyên dầu mỏ với trữ lượng khoảng 4,4 tỷ thùng dầu và gần 710 tỷ m³ khí. Trong khi đó, mức tiêu thụ nhiên liệu của Việt Nam dự kiến sẽ tăng 69% giữa năm 2011 và 2020 với mức tăng trưởng hàng năm từ 5-7%. Cả ba ngành này đều được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh do sự phát triển của các ngành phụ trợ cùng các cơ sở hạ tầng có liên quan.

Những hạn chế của Việt Nam tạo lợi thế cho mô hình kinh doanh của chúng tôi

Việt Nam gần đây đã trải qua những thách thức kinh tế vĩ mô, bao gồm nợ xấu tăng cao và tăng trưởng tín dụng bị thu hẹp khiến tăng trưởng GDP chậm lại. Ngoài ra, khu vực kinh tế tư nhân tuy tăng trưởng mạnh mẽ nhưng vẫn còn phân mảnh, thể hiện qua cấu trúc tổng giá trị thị trường tính theo doanh thu và thị phần. Các công ty thuộc khu vực kinh tế tư nhân còn bị thách thức bởi sự hạn chế của nguồn vốn dài hạn, thiếu chuyên môn và khả năng cạnh tranh kém hơn các công ty đa quốc gia. Masan Group quản lý các rủi ro này và giải quyết những mặt hạn chế còn khó khăn của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam bằng cách xây dựng quy mô và các nền tảng vận hành hàng đầu nhằm tránh các chu kỳ suy thoái tài chính, tiến hành hợp nhất kinh doanh và gia tăng thị phần.

CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN vào tháng 3 năm 2013



CẤU TRÚC VỐN vào tháng 12 năm 2012⁵

MASAN GROUP	MASAN CONSUMER	MASAN RESOURCES	TECHCOMBANK
Nợ trực tiếp: 27 triệu USD	Nợ trực tiếp: 200 triệu USD	Nợ trực tiếp: 191 triệu USD	Techcombank chỉ là
Nợ có khả năng chuyển đổi: 134 triệu USD	Vốn chủ sở hữu: 505 triệu USD	Hối phiếu nhận nợ: 136 triệu USD ⁶	công ty liên kết nên sẽ
Vốn chủ sở hữu: 661 triệu USD		Vốn chủ sở hữu: 406 triệu USD	không được hợp nhất

2012 EBITDA (triệu USD)	119
Tiền và các khoản tương đương tiền (triệu USD)	469 ⁷
Tổng nợ trực tiếp (triệu USD)	418
Nợ trực tiếp thuần (triệu USD) ⁸	-51
Số cổ phiếu (Cơ bản)	687.280.123
Số cổ phiếu (Pha loãng hoàn toàn)	777.954.658

1. Không tính đến các công ty trung gian.
2. Theo tỉ lệ pha loãng và bao gồm quyền của Masan Group, nhưng không phải là nghĩa vụ, để mua 15% cổ phần của công ty khoáng sản Tiberon, công ty thuộc sở hữu của các quỹ do Dragon Capital quản lý.
3. Bao gồm lợi ích kinh tế của Masan Group tại Techcombank thông qua giao dịch đăng ký và mua 3.000 tỉ trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành trong tháng 12/2010.
4. Masan Consumer đang chào mua công khai để tăng tỉ lệ sở hữu.
5. Nợ trên cơ sở hợp nhất, ngoài trừ Masan Group với nợ riêng lẻ. Tỉ giá USD/VND = 21.000.
6. Hối phiếu nhận nợ do công ty mẹ trực tiếp của Masan Resources phát hành. Hối phiếu nhận nợ sẽ không còn giá trị nếu quyền chọn mua cổ phần phổ thông Masan Group được thực hiện và thanh toán bằng những hối phiếu nhận nợ thay vì bằng tiền mặt. Quyền chọn này là một phần trong giao dịch mua bán dự án Núi Pháo. Đến ngày 31/12/2012, quyền chọn này có giá trị dương. Masan Group có quyền bắt buộc việc chuyển đổi quyền chọn này vào ngày 31/12/2012.
7. Tính đến 31/12/2012 và bao gồm đầu tư ngắn hạn và tiền từ đầu tư của KKR tại Masan Consumer (văn bản được ký kết vào tháng 12 /2012 và hoàn tất giao dịch vào tháng 1/2013).
8. Không bao gồm công cụ chuyển đổi sang cổ phiếu.

CÔNG TY CON CỦA CHÚNG TÔI

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ

Chúng tôi tự hào có một đội ngũ quản lý cấp cao với nhiều kinh nghiệm trong ngành hàng tiêu dùng cũng như am hiểu sâu sắc về thị hiếu, khẩu vị, điều kiện và thông lệ của thị trường trong nước. Masan Consumer có thể đạt được sự kết hợp độc đáo giữa nền tảng hiểu biết địa phương và chuyên môn ngành nhờ tuyển dụng được những nhân sự tài giỏi nhất nước với kinh nghiệm làm việc lâu năm tại các công ty hàng tiêu dùng đa quốc gia hàng đầu.

Trương Công Thắng

Tổng Giám đốc Điều hành

Ông Trương Công Thắng có hơn 16 năm kinh nghiệm trong ngành hàng tiêu dùng, trong đó có 6 năm làm Giám đốc Tiếp thị cho Procter & Gamble Vietnam và đã thành công trong việc tung ra một số thương hiệu toàn cầu tại thị trường Việt Nam. Ông Thắng tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Việt Nam.

Jeremy R. Clarke

Giám đốc Điều hành cao cấp

Ông Jeremy có hơn 30 năm kinh nghiệm về Chuỗi cung ứng tích hợp và Quản trị vận hành. Trước khi gia nhập Masan Consumer, ông Jeremy nắm giữ nhiều vị trí cao cấp tại Procter & Gamble (Canada, Mã Lai, Singapore và Philippines), John Hardy International (Indonesia), Cadbury/ Kraft Foods (Singapore, Thái Lan). Ông tốt nghiệp trường Đại học Waterloo, Canada.

Deepak Gulati

Giám đốc Marketing cao cấp

Ông Deepak có hơn 17 năm kinh nghiệm quản lý thương hiệu trong nhiều ngành hàng và nhiều thương hiệu khác nhau. Trước khi gia nhập Masan Consumer, ông Deepak nắm giữ nhiều vị trí cao cấp tại Procter & Gamble, Nokia, và Phillip Morris International, công tác ở nhiều nước khác nhau như Ấn Độ, Nhật Bản, Singapore, Nigeria, Hong Kong và Indonesia. Ông tốt nghiệp Viện Quản lý Ấn Độ ở Bangalore.

Phạm Hồng Sơn

Phó Tổng Giám đốc cao cấp, Phát triển kinh doanh

Ông Sơn có hơn 10 năm kinh nghiệm về sản xuất tại Masan Consumer. Trước đây ông từng là giảng viên tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Ông nhận bằng Tiến sĩ Kỹ thuật từ Đại học Kansai, Nhật Bản.

Phạm Đình Toại

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính

Ông Toại có hơn 20 năm kinh nghiệm về tài chính trước khi gia nhập Masan Consumer. Trước đây, ông từng là Giám đốc Kế toán Tài chính của Unilever, Việt Nam. Ông tốt nghiệp Đại học Kế toán Tài chính và Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM, Việt Nam.

Nguyễn Tuấn Việt

Giám đốc Marketing

Ông Việt có khoảng 10 năm kinh nghiệm làm việc cho Unilever Việt Nam. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp. HCM, Việt Nam.

Ngô Văn Phước

Giám đốc Kinh doanh Toàn quốc

Ông Phước có hơn 17 năm kinh nghiệm trong ngành bán lẻ ở các công ty đa quốc gia như Unilever, Nestle và Kimberly Clark. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.HCM, Việt Nam.

Phan Quang Khang

Giám đốc kênh bán hàng truyền thống toàn quốc

Ông Khang có hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành bán lẻ ở các công ty đa quốc gia như Nestle và Kimberly Clark. Ông tốt nghiệp Đại học Cần Thơ.

Lê Thị Nga

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Nghiên cứu và

Phát triển (Ngành hàng Thực phẩm)

Bà Nga có hơn 20 năm kinh nghiệm trong khoa học nghiên cứu thực phẩm. Bà tốt nghiệp Đại học Công nghệ thực phẩm Moscow, Nga.

Naveen Kumar

Giám đốc Nghiên cứu & Phát triển (Ngành hàng Đồ uống)

Ông Naveen có hơn 13 năm kinh nghiệm về nghiên cứu và phát triển trong cả mảng thực phẩm và đồ uống. Trước khi gia nhập Masan Consumer, ông Naveen nắm giữ nhiều vị trí cao cấp tại Pepsico và Dabur ở Ấn Độ, và Group Danone ở Ả Rập Saudi. Ông tốt nghiệp Đại học G.B.P.U.A&T, Pantnagar và S.G.I.D.T., Patna, Ấn Độ.

Vũ Quốc Tuấn

Giám đốc Chuỗi cung ứng tích hợp (Ngành hàng Thực phẩm)

Ông Tuấn có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý sản xuất và chuỗi cung ứng ở Unilever Việt Nam và Malaysia và Kimberly Clark Nam Á. Ông tốt nghiệp trường Đại học Bách khoa Bratislava, Slovakia và nhận bằng Thạc sĩ từ Viện Công nghệ Châu Á tại Bangkok, Thái Lan.

Peter R. Booth

Giám đốc Chuỗi cung ứng tích hợp (Ngành hàng Đồ uống)

Ông Peter có hơn 22 năm kinh nghiệm về quản lý chuỗi cung ứng, với 17 năm tại Kraft Foods ở Canada và Mỹ và 5 năm trong ngành thực phẩm và đồ uống ở Việt Nam. Ông tốt nghiệp Đại học Northwestern University, Chicago, Mỹ và Đại học British Columbia, Vancouver, Canada.

Nguyễn Thị Thu Hà

Giám đốc Kế hoạch & Kho vận

Bà Hà có hơn 14 năm kinh nghiệm quản lý chuỗi cung ứng tại Unilever, Effem Foods, Novartis Pharma và Procter & Gamble. Bà tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Việt Nam.

ĐỐI TÁC

KKR

Được thành lập vào năm 1976, Kohlberg Kravis Roberts (KKR) là công ty quản lý tài sản thay thế hàng đầu thế giới. KKR tài trợ và quản lý các quỹ tiến hành đầu tư vào vốn cổ phần tư nhân, trái phiếu và các loại hình tài sản khác ở Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Á và Trung Đông. Trong suốt lịch sử của mình, KKR luôn áp dụng triết lý đầu tư dài hạn, hợp tác trong mối quan hệ đối tác với đội ngũ quản lý của các công ty mà mình đầu tư và chú trọng đầu tư để tạo lợi thế cạnh tranh và tăng trưởng trong tương lai. KKR có văn phòng ở New York, Menlo Park, San Francisco, Houston, Washington D.C., London, Paris, Hong Kong, Bắc Kinh, Tokyo, Seoul, Sydney, Mumbai và Dubai.

House Foods

Được thành lập vào năm 1913 và niêm yết trên cả hai Sở Giao dịch chứng khoán Tokyo và Osaka từ năm 1971. Danh mục sản phẩm của House Foods bao gồm cà ri, gia vị, thực phẩm đóng gói, thực phẩm nấu sẵn, đồ uống, đồ ăn nhẹ và các sản phẩm khác. Công ty có văn phòng, cơ sở sản xuất và trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm ở Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Anh và Mỹ.

NGÀNH TÀI NGUYÊN CỦA VIỆT NAM

Chúng tôi tin rằng tài nguyên là một trong những ngành cốt lõi đại diện cho giá trị Việt Nam. Ngành tài nguyên vốn kém phát triển và bị phân mảnh sẽ mang lại cơ hội để một công ty thuộc khối kinh tế tư nhân địa phương có thể đạt được quy mô lớn và phát triển vị thế dẫn đầu thị trường. Việt Nam được ưu đãi với những trữ lượng kim loại và khoáng chất lớn, trong đó có quặng bô-xít, đất hiếm, vonfram, titan, photphát, than đá và sắt. Tuy nhiên, ngoại trừ than đá, phần lớn các dự án khai thác hiện tại trong nước có quy mô nhỏ, thể hiện một cơ hội đầy tiềm năng để phát triển trên quy mô lớn hơn.

Dự án Núi Pháo phù hợp với các tiêu chí lựa chọn đầu tư của Masan vì dự án này sẽ trở thành một đơn vị sản xuất vonfram, florit và bismut tầm cỡ thế giới. Đây là những loại khoáng sản công nghiệp đặc biệt có tiềm năng đủ lớn để tạo nên một công ty dẫn đầu thuộc khu vực kinh tế tư nhân có khả năng tạo ra dòng tiền và phát triển ngành.

NHỮNG LĨNH VỰC TRỌNG YẾU ĐẶT NỀN MÓNG CHO KẾT QUẢ VƯỢT TRỘI HÔM NAY

Lợi thế chiến lược của dự án Núi Pháo

Núi Pháo là nền tảng lý tưởng để xây dựng Masan Resources thành công ty tài nguyên hàng đầu thuộc khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam.

Tài sản độc đáo có quy mô lớn

Núi Pháo là một mỏ khoáng sản độc đáo với trữ lượng vonfram, florit và bismut lớn nhất thế giới, ngoài ra còn có đồng.

Hàng hóa phù hợp

Nguồn doanh thu đa dạng mang lại sự ổn định cho dự án trong một môi trường hàng hóa nhiều biến động. Ngoài ra, với sự tập trung nguồn cung vonfram, florit và bismut, cùng với triển vọng của kim loại đồng gắn liền với sự tăng trưởng của các thị trường mới nổi, một tương lai đầy hứa hẹn về giá cả của các loại hàng hóa này đang mở ra rất thuận lợi.

Chi phí vận hành thấp

Được khai thác theo hình thức lộ thiên với tỷ lệ bóc đất thấp, dự án Núi Pháo sẽ trở thành một trong những đơn vị sản xuất vonfram có chi phí thấp nhất trên thế giới. Dự án sẽ sản xuất APT, tinh quặng florit cấp axit, bismut và đồng. Các sản phẩm sẽ được tách khỏi quặng sử dụng kết hợp các quy trình tuyển nổi và tuyển trọng lực thông thường.

Cơ sở hạ tầng sẵn có

Dự án nằm trên diện tích 9,21 km² ở huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên, chỉ cách thủ đô Hà Nội khoảng 80 km, cách cảng Hải Phòng khoảng 180 km và cách cảng Quảng Ninh khoảng 240 km. Cơ sở hạ tầng cơ bản như đường bộ, đường sắt, nguồn điện và nước đều có sẵn, giúp rút ngắn thời gian phát triển dự án.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản

Trữ lượng đẳng cấp thế giới

Núi Pháo là một trong những mỏ vonfram đã được nhận diện lớn nhất thế giới bên ngoài Trung Quốc với 52,5 triệu tấn quặng có chứa WO₃ (vonfram triôxít) phẩm cấp 0,21%. Khi đi vào sản xuất, Núi Pháo sẽ trở thành đơn vị sản xuất vonfram lớn nhất bên ngoài Trung Quốc và là một trong những đơn vị sản xuất florit cấp axit và bismut lớn nhất thế giới. Vùng này có tiềm năng thăm dò bổ sung để kéo dài thêm vòng đời khai thác của mỏ hiện tại đang ở mức 16 năm.

TÀI NGUYÊN MỎ NÚI PHÁO¹

Phân loại	Tấn	WO ₃ %	CaF ₂ %	Bi %	Cu %	Au g/t
Đã xác định	25.450.000	0,27	8,70	0,12	0,26	0,28
Chỉ thị	39.560.000	0,16	8,30	0,06	0,14	0,15
Tổng tài nguyên đã xác định + chỉ thị	65.010.000	0,20	8,40	0,09	0,19	0,20
Suy đoán	32.400.000	0,15	6,40	0,07	0,17	0,14

Nguồn: Bảng ước tính tài nguyên khoáng sản nêu trên được lập theo hướng dẫn của ông Chris Black đến từ công ty Cube Consulting. Ông có đủ điều kiện để thực hiện công tác này theo quy định trong ấn bản năm 2004 của “Bộ luật báo cáo kết quả thăm dò, tài nguyên khoáng sản và trữ lượng quặng của Úc” (gọi tắt là “Bộ luật JORC”). Ước tính trữ lượng khoáng sản này được biên soạn tuân thủ theo quy định của Bộ luật JORC.

TRỮ LƯỢNG MỎ NÚI PHÁO²

Phân loại	Tấn	WO ₃ %	CaF ₂ %	Bi %	Cu %	Au g/t
Đã chứng minh	25.200.000	0,26	8,31	0,12	0,25	0,27
Tiềm năng	27.350.000	0,17	7,71	0,08	0,17	0,18
Tổng trữ lượng đã chứng minh + tiềm năng	52.540.000	0,21	8,00	0,10	0,21	0,22

Nguồn: Bảng ước tính trữ lượng quặng nêu trên được lập theo hướng dẫn của ông Quinton de Klerk đến từ công ty Cube Consulting. Ông có đủ điều kiện để thực hiện công tác này theo quy định trong ấn bản năm 2004 của “Bộ luật báo cáo kết quả thăm dò, tài nguyên khoáng sản và trữ lượng quặng của Úc” (gọi tắt là “Bộ luật JORC”). Ước tính trữ lượng khoáng sản này được biên soạn tuân thủ theo quy định của Bộ luật JORC.

1. Vào tháng 9/2011, hàm lượng biên tương đương 0,1% WO₃.
2. Vào tháng 11/2011, hàm lượng biên tương đương 0,1% WO₃.

KHOÁNG SẢN CHÍNH CỦA DỰ ÁN

Vonfram

Vonfram là một kim loại màu xám ngả trắng với một số đặc tính độc đáo:

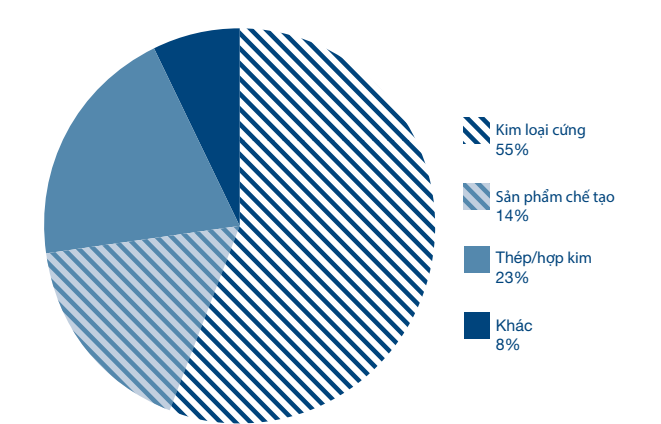
- Điểm nóng chảy cao – Điểm nóng chảy cao nhất trong mọi kim loại.
- Rất cứng – Vonfram có độ bền kéo và kháng mòn rất cao, còn cacbua vonfram, hợp chất được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp, có độ cứng gần bằng kim cương.
- Rất nặng – Tỷ trọng của vonfram tương đương với vàng.

Với những đặc tính độc đáo này, vonfram được sử dụng trong một loạt các ứng dụng công nghiệp mà nó hầu như không thể thay thế được nếu không muốn ảnh hưởng đến hiệu suất:

- Kim loại cứng – Do độ cứng và kháng mòn cao, trên 50% lượng vonfram của thế giới được sử dụng để sản xuất kim loại cứng. Đây là vật liệu dựa trên cacbua vonfram, với các ứng dụng rất đa dạng, bao gồm sử dụng trong các công cụ cắt kim loại và đá; các công cụ có quy mô lớn như mũi khoan khai thác mỏ; các công cụ tinh tế như mũi khoan sử dụng trong nha khoa; công cụ tạo hình trong ngành thép; vũ khí (vỏ đạn pháo, lựu đạn và tên lửa) và ngay cả đầu bút bi.
- Thép và siêu hợp kim – Độ cứng và điểm nóng chảy cao của vonfram có thể ứng dụng trong ngành thép. Nó được sử dụng trong công cụ cắt và siêu hợp kim sử dụng trong các ứng dụng như động cơ tuabin phản lực.
- Sợi tóc bóng đèn – Có lẽ ứng dụng nổi tiếng nhất của vonfram nằm trong các sợi tóc bóng đèn. Tuy nhiên, việc sử dụng vonfram trong ngành công nghiệp này đang dần suy giảm vì nguồn ánh sáng hiệu quả hơn đang được phát triển và đưa vào sử dụng.

- Các ứng dụng điện và điện tử – Vonfram có nhiều ứng dụng điện và điện tử khác, chẳng hạn như sử dụng trong các bảng mạch và trong sản xuất công tắc điện và điện cực.
- Ứng dụng hóa học – Vonfram cũng có một loạt các ứng dụng hóa học và ứng dụng khác trong ngành thủy tinh, gốm sứ, sơn và dầu khí.

NHU CẦU VONFRAM CƠ BẢN TOÀN CẦU THEO NGÀNH SỬ DỤNG NĂM 2010



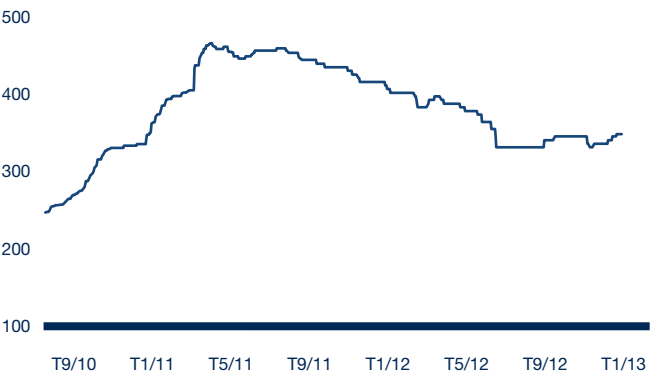
Nguồn: Ước tính của Roskill, 2011.
Lưu ý: ‘Sản phẩm chế tạo’ bao gồm nhưng không giới hạn trong sợi tóc bóng đèn và những ứng dụng điện và điện tử khác.

Nguồn cung toàn cầu

Trung Quốc thống trị thị trường vonfram cơ bản trên toàn thế giới với hơn 85% sản lượng vonfram vào năm 2012, cũng như gần 60% trữ lượng vonfram đã xác định (nguồn: USGS).

Trong những năm gần đây, Trung Quốc đã áp dụng hạn ngạch sản xuất và xuất khẩu khi nhu cầu vonfram trong nước tiếp tục tăng lên. Nước này đang tìm cách vươn lên cao hơn trong chuỗi giá trị bằng cách chuyển từ cung cấp nguyên liệu thô vonfram sang việc bán các thành phẩm vonfram cho người tiêu dùng trên toàn cầu. Trung Quốc đã giảm dần hạn ngạch xuất khẩu vonfram từ 18.100 tấn năm 2002 xuống 15.400 tấn năm 2012. Một báo cáo gần đây của Liên minh Châu Âu (Những nguyên liệu thô quan trọng cho Châu Âu, tháng 7/2010) xem vonfram là một trong những “những nguyên liệu thô quan trọng” cho Châu Âu xét đến tầm quan trọng kinh tế và mức độ tập trung của các nguồn cung cấp kim loại này.

LỊCH SỬ BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA APT VONFRAM TỪ LÚC MUA MỎ



Nguồn: Metal Bulletin.
Lưu ý: Giá vonfram tính theo USD/mtu. Vonfram được tính giá theo đơn vị 10 kg có thể được quy đổi thành 1 mtu.

SẢN LƯỢNG VÀ TRỮ LƯỢNG VONFRAM CƠ BẢN CỦA THẾ GIỚI (ĐƠN VỊ: TẤN VONFRAM)

Quốc gia	Sản lượng 2011	Sản lượng 2012¹	% sản lượng thế giới 2012¹	Trữ lượng¹
Mỹ	NA	NA	NA	140.000
Trung Quốc	61.800	62.000	84,3%	1.900.000
Nga	3.500	3.500	4,8%	250.000
Canada	1.970	2.000	2,7%	120.000
Áo	1.100	1.100	1,5%	10.000
Bolvia	1.100	1.100	1,5%	53.000
Bồ Đào Nha	820	820	1,1%	4.200
Các nước khác	2.700	3.000	4,1%	760.000
Toàn thế giới (tròn số)	73.100	73.000	100,0%	3.200.000

Nguồn: USGS.
1. Ước tính.

Florit

Florit là một khoáng chất có chứa canxi florua (CaF₂). Mẫu vật florit được phân loại theo hai phẩm cấp hàng công nghiệp dựa trên mức tinh khiết: florit cấp acid chứa hơn 97% CaF₂ và florit cấp luyện kim chứa ít hơn 97% CaF₂. Florit cấp acid và florit cấp luyện kim được sử dụng trong nhiều ứng dụng đa dạng.

Florit cấp acid là nguồn florin công nghiệp cơ bản trên thế giới. Nó được sử dụng chủ yếu để sản xuất những sản phẩm sau:

- Acid Flohydric (HF) – HF được sử dụng trong nhiều ngành đa dạng.
 - Khoảng 60% HF được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất nhiều sản phẩm florua cacbon như CFC, HCFC và HFC. Những sản phẩm florua cacbon này chủ yếu được sử dụng làm chất làm lạnh trong máy điều hòa không khí và chất tạo bọt trong sản xuất polyme.
 - HF cũng được sử dụng làm chất xúc tác trong ankyl hóa dầu khí, làm chất làm sạch và khắc trong công nghiệp bán dẫn và để tẩy bẩn thép không gỉ.
- Nhôm florua và cryolit tổng hợp – Cả hai đều là những nguyên liệu thô thiết yếu trong lĩnh vực tuyển nhôm điện hóa.

Florit cấp luyện kim được sử dụng nhiều nhất làm chất dẫn xuất trong chế tạo thép, đúc kim loại và chế tạo hợp kim thép.

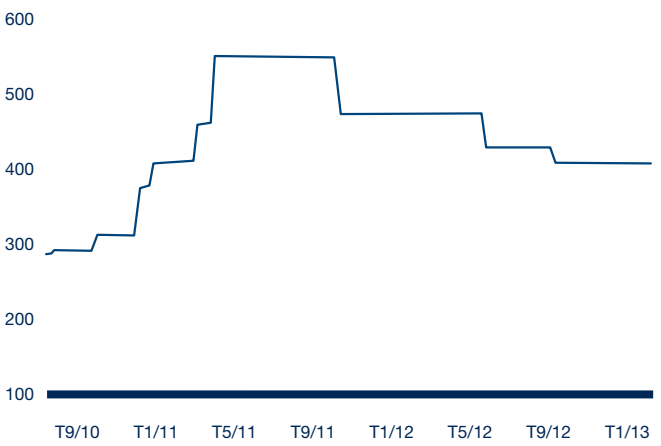
Là nguồn florin, florit hầu như không thể thay thế được bởi vì hiện không khám phá ra nguồn khác có thể cung cấp chất này một cách dồi dào.

Nguồn cung toàn cầu

Theo USGS, Trung Quốc và Mexico cùng nhau chiếm hơn 79% sản lượng florit trên thế giới theo ước tính năm 2012. Khoảng 70 - 75% florit được sản xuất trên toàn thế giới là cấp acid, phần còn lại là cấp luyện kim. Cả Trung Quốc và Mexico đều sản xuất cả hai loại. Nguồn tài nguyên florit trên thế giới phân tán khá rộng, Nam Phi và Mông Cổ cũng có trữ lượng khá lớn.

Một báo cáo gần đây của Liên minh Châu Âu (Nguyên liệu thô quan trọng cho Châu Âu, tháng 7/2010) xem florit là một trong số 14 “nguyên liệu thô quan trọng” đối với khu vực xét đến tầm quan trọng kinh tế và mức độ tập trung các nguồn cung của khoáng sản này.

LỊCH SỬ BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA FLORIT TỪ LÚC MUA MỎ



Nguồn: Tạp chí Industrial Minerals.
Lưu ý: Giá florit tính theo USD/tấn.

SẢN LƯỢNG VÀ TRỮ LƯỢNG FLORIT CỦA THẾ GIỚI (NGÀN TẤN)

Quốc gia	Sản lượng 2011	Sản lượng 2012 ¹	% sản lượng thế giới 2012 ¹	Trữ lượng ^{1,2}
Mỹ	NA	NA	NA	NA
Trung Quốc	4.700	4.200	61,3%	24.000
Mexico	1.207	1.200	17,5%	32.000
Mông Cổ	416	420	6,1%	22.000
Nam Phi	240	220	3,2%	41.000
Nga	260	150	2,2%	NA
Tây Ban Nha	124	120	1,8%	6.000
Kenya	117	107	1,6%	2.000
Namibia	80	80	1,2%	3.000
Morocco	79	75	1,1%	NA
Kazakhstan	67	60	0,9%	NA
Brazil	26	25	0,4%	1.000
Các nước khác	200	190	2,8%	110.000
Toàn thế giới (làm tròn số)	7.520	6.850	100,0%	240.000

Nguồn: USGS.
1. Ước tính.
2. Tính theo 100% lượng florit canxi.

Bismut

Bismut là một kim loại trắng giòn với nhiều đặc tính độc đáo:

- Một trong những kim loại có điểm nóng chảy thấp nhất;
- Giãn nở khi bị đông lạnh;
- Độ dẫn nhiệt và dẫn điện rất thấp;
- Không độc hại.

Bismut được sử dụng trong nhiều ứng dụng đa dạng nhờ tận dụng các thuộc tính đặc biệt của nó:

- Thép và nhôm nguyên liệu – Do bismut có điểm nóng chảy thấp, nên khi bổ sung bismut vào thép hoặc nhôm sẽ làm tăng tính dễ gia công của kim loại nhờ vào việc giảm năng lượng cần dùng và ít làm bào mòn các công cụ hơn.
- Hợp kim có điểm nóng chảy thấp – Với nhiệt độ nóng chảy thấp và có xu hướng giãn nở khi bị đông đặc, bismut được sử dụng trong các hợp kim có điểm nóng chảy thấp, ứng dụng trong dây hàn, cầu chì an toàn và những sản phẩm đúc có yêu cầu tái tạo các chi tiết tinh vi.
- Sản phẩm y dược – Bismut được sử dụng trong nhiều loại dược phẩm và mỹ phẩm như thuốc giảm nồng độ axit.

Thuộc tính của bismut cũng tương tự như chì, trừ việc nó không độc hại, khiến bismut trở thành chất thay thế thích hợp và an toàn hơn cho chì. Việc sử dụng bismut tăng cao khi các nước trên thế giới có xu hướng giảm sử dụng chì trong các ứng dụng khác nhau như:

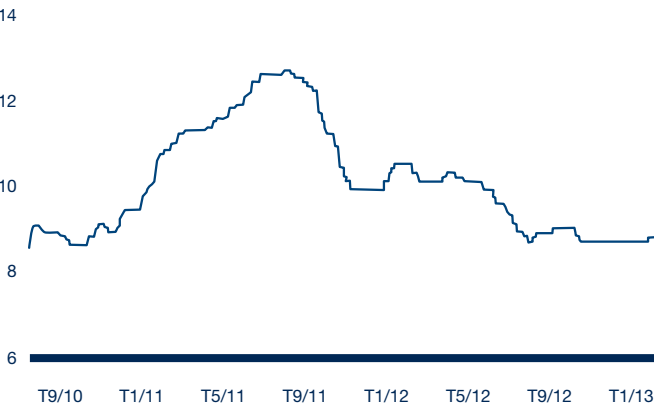
- Trong các chi tiết nổi ống nước, để tránh độc tính từ chì xâm nhập qua đường ống vào nước;
- Làm phụ gia cho hợp kim kẽm trong quá trình mạ kẽm;
- Làm phụ gia cho thép để nâng cao tính dễ gia công của kim loại;
- Sản xuất đạn và chì câu.

Nguồn cung toàn cầu

Có rất ít mỏ bismut độc lập trên thế giới bởi vì bismut thường được tìm thấy trong các quặng đi cùng với các kim loại khác như chì, vonfram, đồng, vàng, bạc và kẽm. Hầu hết sản lượng bismut thương phẩm là sản phẩm phụ từ quy trình chế biến các kim loại này, đặc biệt là chì. Do đó, một phương pháp đo lường chính xác hơn trong sản xuất bismut là sản xuất tinh lọc, chứ không phải là sản xuất bằng cách khai thác. Vì lý do này, sự tăng trưởng trong sản xuất chì sẽ quyết định ở một mức độ đáng kể đến sự tăng trưởng sản xuất của bismut.

Trung Quốc thống trị cả nguồn cung và trữ lượng bismut của thế giới với 81% sản lượng tinh chế và 75% trữ lượng cả thế giới trong năm 2012.

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA BISMUT TỪ LÚC MUA MỎ



Nguồn: Metal Bulletin.
Lưu ý: Giá bismut tính theo USD/ cân Anh.

SẢN LƯỢNG VÀ TRỮ LƯỢNG BISMUT TINH CHẾ CỦA THẾ GIỚI (TÍNH BẰNG TẤN)

Quốc gia	Sản lượng 2011	Sản lượng 2012 ¹	% sản lượng thế giới 2012 ¹	Trữ lượng ¹
Trung Quốc	7.000	6.000	81,1%	240.000
Mexico	980	1.000	13,5%	10.000
Bolvia	100	100	1,4%	10.000
Canada	92	100	1,4%	5.000
Các nước khác	130	200	2,7%	50.000
Toàn thế giới (làm tròn số)	8.300	7.400	100,0%	320.000

Nguồn: USGS.
1. Ước tính.

Đồng

Đồng là một kim loại màu nâu, đỏ hoặc cam (tùy thuộc vào mức độ oxy hóa của nó), và là một trong những kim loại được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới do những đặc tính độc đáo:

- Là một trong những kim loại dễ dát mỏng và dễ uốn nhất;
- Tính dẫn nhiệt và dẫn điện cao thứ hai trong mọi nguyên tố (chỉ đứng sau bạc);
- Khả năng chống ăn mòn cao.

Đồng được sử dụng trong nhiều ứng dụng đa dạng như:

- Sản phẩm điện – Đồng được sử dụng chủ yếu trong sản xuất cáp điện và các sản phẩm điện khác như máy phát điện, động cơ và máy biến áp vốn được sử dụng trong ngành công nghiệp phát và truyền tải điện, và trong ngành chế tạo máy.
- Xây dựng công trình – Ứng dụng lớn thứ hai của đồng và hợp kim đồng (như đồng thau và đồng thiếc) thuộc về ngành công nghiệp xây dựng. Nó được sử dụng cho mái lợp và hệ thống ống nước, đặc biệt là đường ống nước, vòi nước, van và ống nối do đặc tính chống ăn mòn và dễ uốn của kim loại này.
- Chế tạo sản phẩm điện tử – Độ dẫn điện và dẫn nhiệt cao của đồng cũng khiến nó được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp điện tử.
- Chế tạo máy công nghiệp – Nhờ độ bền, tính dễ chế biến, và khả năng đúc với độ chính xác và dung sai lớn, hợp kim đồng rất lý tưởng để chế tạo các sản phẩm như bánh răng, vòng bi và cánh tua-bin.

Một số ứng dụng nêu trên của đồng được tập hợp trong các phương tiện giao thông vận tải, trong đó đồng là một thành phần thiết yếu trong động cơ, hệ thống dây điện, tản nhiệt, kết nối, phanh và vòng bi.

Khoảng 98% sản lượng đồng được sử dụng dưới dạng kim loại tinh khiết hoặc hợp kim, 2% còn lại được sử dụng để sản xuất ra các hợp chất khác.

Nguồn cung toàn cầu

Nguồn cung cấp đồng được phân phối rộng rãi trên toàn thế giới. Chile sản xuất hơn 30% sản lượng đồng cơ bản của thế giới. Tuy nhiên, phần sản lượng còn lại được phân bổ đều trên nhiều nước bao gồm Peru, Trung Quốc, Mỹ và Úc. Ngoài ra, khoảng một phần ba mức tiêu thụ đồng của thế giới có nguồn gốc từ hoạt động tái chế.

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ CỦA ĐỒNG TỪ LÚC MUA MỎ



Nguồn: Metal Bulletin.
Lưu ý: Giá đồng tính theo USD/ tấn.

SẢN LƯỢNG VÀ TRỮ LƯỢNG ĐỒNG TRÊN THẾ GIỚI (NGÀN TẤN)

Quốc gia	Sản lượng 2011	Sản lượng 2012¹	% sản lượng thế giới 2012¹	Trữ lượng¹
Chile	5.260	5.370	32,3%	190.000
Trung Quốc	1.310	1.500	9,0%	30.000
Peru	1.240	1.240	7,5%	76.000
Mỹ	1.100	1.150	6,9%	39.000
Úc	958	970	5,8%	86.000
Nga	713	720	4,3%	30.000
Zambia	668	675	4,1%	20.000
Congo	520	580	3,5%	20.000
Canada	566	530	3,2%	10.000
Mexico	443	500	3,0%	38.000
Indonesia	543	430	2,6%	28.000
Ba Lan	27	430	2,6%	26.000
Kazakhstan	417	420	2,5%	7.000
Các nước khác	1.970	2.100	12,6%	80.000
Toàn thế giới (tròn số)	16.100	17.000	100,0%	680.000

Nguồn: USGS.
1. Ước tính

CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CHÚNG TÔI

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số		0303576603	ngày 20 tháng 7 năm 2012
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 7 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.			
	Hội đồng Quản trị		Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang Ông Hồ Hùng Anh Ông Madhur Maini Bà Nguyễn Hoàng Yến Ông Nguyễn Thiều Nam Ông Lars Kjaer	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
	Trụ sở đăng ký		Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza 17 Lê Duẩn Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
		Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

